

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2017

“*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn To

2. Bà Dương Thị Sáu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hùng - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức,
tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:
289/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc “*Ly hôn*”, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử 64/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7
năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964.

Bị đơn: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1965.

Địa chỉ cư trú: Ấp 1A, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

(Ông T, bà L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên
đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, nên ông
và bà L đã xác lập quan hệ vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết
hôn tại Ủy ban nhân dân xã A năm 1999.

Sau khi cưới, vợ chồng cất nhà sống riêng trên đất cha mẹ chồng. Cuộc
sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không
hợp nhau, nên thường xuyên cãi vã. Hơn nữa, bà L còn có quan hệ tình cảm
với người khác. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không được,
trước đây, vợ chồng sống chung nhà, nhưng không ai quan tâm tới nhau, sinh
hoạt hằng ngày tự ai nấy sống. Hiện nay, bà L đã bỏ nhà đi khoảng 02 tháng.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

- Về nuôi con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1990 và Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1994. Hai con đã trưởng thành nên sau khi ly hôn các cháu muốn sống chung với ai tùy các cháu quyết định.

- Về chia tài sản chung và chia nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị Kim L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà thống nhất với lời trình bày của Ông T về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng, thủ tục đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, nhưng đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do Ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Riêng Ông T trình bày bà có người đàn ông khác bên ngoài thì điều đó không có, Ông T nói như thế để ly hôn với bà. Nay Ông T yêu cầu ly hôn bà không đồng ý vì bà thương các con, không muốn các con sống thiếu tình cảm của cha.

- Về nuôi con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1990 và Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1994. Hai con đã trưởng thành nên sau khi ly hôn các cháu muốn sống chung với ai tùy các cháu quyết định.

- Về chia tài sản chung và chia nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Ông T, bà L vẫn giữ nguyên ý kiến của mình không bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Kim L, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của Ông T:

Ông T bà L xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào năm 1999. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo Ông T trình bày là do bà L có quan hệ với người đàn ông khác, còn bà L cho rằng Ông T cũng có quan hệ với nhiều người phụ nữ, điều đó thể hiện Ông T bà L không ai tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay bà L không đồng ý ly hôn, muốn quay về nhà chung sống với Ông T, nhưng theo bà trình bày do Ông T có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ, bà sợ bị lây bệnh, nên từ năm

2011 đến nay bà và Ông T chỉ sống chung một nhà, quan hệ sinh lý vợ chồng không xảy ra, điều đó chứng tỏ, tình trạng hôn nhân giữa Ông T bà L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông T.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống giữa Ông T bà L có hai con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1990 và Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1994. Hai con đã trưởng thành, nên sau khi ly hôn các cháu muốn sống chung với ai tùy các cháu quyết định, Ông T bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung, chia nợ chung: Ông T bà L đều trình bày thống nhất là vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử sẽ không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định định tại Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Võ Thị Kim L.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Võ Thị Kim L.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân dân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Ông T đã nộp theo biên lai thu số 0005381 ngày 26/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Ông T đã nộp xong.

Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức.
- THA huyện Bến Lức.
- Các đương sự.
- UBND xã A;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hiền